TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **708**/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 12-8-2019
Về việc tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn.
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lê Thiên Hương.
Bà Đặng Thị Bích Loan.
- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Võ Phạm Phương Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 61/2019/TLPT-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2019 về việc "Ly hôn".

Do Bản án hôn nhân và gia đình số 215/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3191/2019/QĐ-PT ngày 17 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Đào Thị H**, sinh năm 1976; địa chỉ: Số X Ấp A, đường D, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Minh N – Luật sư thuộc Văn phòng luật sư Lê Minh N, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số X1 đường D, Phường P, Quận Q Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông **Võ Tấn H1**, sinh năm 1969; địa chỉ: Số X Ấp A, đường D, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Phúc T – Luật sư thuộc Công ty luật hợp danh N, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: X2 đường D1, thị trấn T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự đều có mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Võ Tấn H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Đào Thị H trình bày:

Bà và ông Võ Tấn H1 tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số X3 quyển số X4 do Ủy ban nhân dân Phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 7 năm 2012. Sau khi kết hôn, từ tháng 9 năm 2017 vợ chồng bà phát sinh mâu thuẫn do ông H1 thường xuyên vắng nhà, ít chia sẻ công việc trong gia đình và chăm sóc con chung. Nhận thấy cuộc sống chung không H1ạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông Võ Tấn H1.

Về con chung: Giữa bà và ông Võ Tấn H1 có 02 con chung là Võ Kiều C, giới tính: Nữ, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2013 và Võ Tấn T, giới tính: Nam, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2014. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Giữa bà và ông H1 không có nợ chung.

Tại bản tự khai và các biên bản hòa giải, bị đơn ông Võ Tấn H1 trình bày:

Ông và bà Đào Thị H tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số X3 quyển số X4 do Ủy ban nhân dân Phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 7 năm 2012. Ông thừa nhận giữa vợ chồng ông có mâu thuẫn từ tháng 9 năm 2017 do ông bận việc làm ăn nên ít chia sẻ công việc gia đình với bà H. Bà H khởi kiện ly hôn ông không đồng ý, ông mong muốn vợ chồng hòa giải, đoàn tụ cùng nhau xây dựng gia đình và nuôi dưỡng con chung, ông sẽ cố gắng khắc phục những thiếu sót của bản thân.

Về con chung: Giữa ông và bà H có 02 con chung là Võ Kiều C và Võ Tấn T. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn ông yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung Võ Tấn T cho ông, giao con chung Võ Kiều C cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, không ai cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại đơn phản tố ngày 29 tháng 10 năm 2018, bị đơn ông Võ Tấn H1 trình bày: Giữa ông và bà H có tài sản chung gồm nhà và đất tại số C8/23B9 Ấp 4A, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; quyền sử dụng đất thửa số 113 tờ bản đồ số 123 xã Phước Lý, huyện Cần Giuộc và quyền sử dụng đất thuộc Lô 20 khu dự án Làng Sen tại huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Về nợ chung: Ông và bà H có khoản nợ chung 840.000.000 đồng là số tiền ông có nghĩa vụ hoàn trả cho Công ty TNHH L do thanh lý hợp đồng, là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân. Ông yêu cầu Tòa án chia đôi tài sản chung và buộc bà H thanh toán ½ khoản nợ chung.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, Tòa án nhân dân huyện H ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí phản tố; người đại diện theo ủy quyền của bị đơn nhận thông báo cùng ngày 30 tháng 10 năm 2018 nhưng bị đơn không nộp tiền tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án nên yêu cầu phản tố của bị đơn không được thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình số 215/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 3 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 51, 52, 53, 54, Khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị H:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị H được ly hôn với ông Võ Tấn H1. Giấy chứng nhận kết hôn số X3 quyển số X4 do Ủy ban nhân dân Phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 7 năm 2012 không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Giao 02 con chung là Võ Kiều C và Võ Tấn T cho bà Đào Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn ông Võ Tấn H1 cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung sau khi ly hôn; về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03 tháng 4 năm 2019 bị đơn ông Võ Tấn H1 có đơn kháng cáo đối với toàn bộ bản án sơ thẩm với các lí do: Ông cho rằng việc Tòa án tuyên xử giao cả 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng là chưa thỏa đáng, chưa xem xét đến quyền lợi mọi mặt của con, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các con và quyền nuôi con của ông. Ông giữ nguyên yêu cầu được giao quyền nuôi dưỡng trẻ Võ Tấn T. Tại cấp sơ thẩm, ông có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung; do ông và bà H đồng ý thương lượng để tự thỏa thuận về vấn đề tài sản nên ông đã không nộp tạm ứng án phí theo thông báo của Tòa án. Nhưng sau đó, ông và bà H không tự thỏa thuận được nên ông tiếp tục nộp đơn phản tố, Tòa án đã không chấp nhận đơn của ông. Do đó, ông kháng cáo yêu cầu Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu phản tố của ông để giải quyết triệt để vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Võ Tấn H1 cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm nhận định mâu thuẫn giữa bà H và ông H1 đã ở mức độ trầm trọng là không đúng. Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là vấn đề tài chính và theo bị đơn thì hoàn toàn có thể giải quyết được để hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Về con chung: Các con chung đều còn rất nhỏ, Tòa sơ thẩm giải quyết giao cả hai con chung cho bà H nuôi dưỡng là không H1ợp lý, không đảm bảo quyền lợi của các con chung. Do đó, trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, yêu cầu giao con chung là Võ Tấn T cho ông H1 nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: Tòa sơ thẩm không ra thông báo để ông H1 nộp tạm ứng án phí sơ thẩm, không thụ lý yêu cầu phản tố là đã hạn chế quyền đưa ra yêu cầu của ông, không giải quyết triệt để vụ án. Ngoài ra, tại bản khai trình bày ý kiến tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông H1 cho rằng việc Tòa án cấp sơ thẩm không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là vi phạm thủ tục tố tụng. Do đó, ông yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án, giải quyết lại vấn đề con chung, thụ lý giải quyết tranh chấp về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng theo yêu cầu phản tố của ông.

Nguyên đơn bà Đào Thị H cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Tấn H1 vì: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, có thể xác định giữa bà H và ông H1 phát sinh mâu thuẫn từ năm 2014, mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức độ trầm trọng nên đến nay vẫn không thể giải quyết được. Ngoài ra, bà H trình bày và ông H1 cũng thừa nhận ông thiếu sự quan tâm, chăm sóc vợ con, ông H1 có hành vi đánh bà H, đập phá tài sản trong nhà. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết cho ly hôn là có cơ sở. Về con chung: Bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng các con chung từ khi sinh ra cho đến nay, ông H1 thường xuyên vắng nhà nên không quan tâm, chăm sóc các con, không thể đảm bảo thời gian và khả năng chăm sóc con. Hiện tại, bà H có công việc tạo thu nhập ổn định hàng tháng, bà có đủ khả năng nuôi dưỡng tốt các con chung, đảm bảo điều kiện học tập, vui chơi, giải trí và chăm sóc sức khỏe cho các con. Bà H giữ nguyên yêu cầu được giao quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng. Về tài sản chung: Tòa án nhân dân huyện H đã không thụ lý yêu cầu phản tố của ông H1 nên trường hợp có tranh chấp, bà và ông H1 sẽ tự thỏa thuận hoặc khởi kiện giải quyết bằng vụ án khác. Về nợ chung: Giữa bà và ông H1 không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm có nêu: Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn làm trong thời hạn luật định là hợp lệ; Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử, các đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy

định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề xuất đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Bị đơn ông Võ Tấn H1 kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm với lí do Tòa án cấp sơ thẩm không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là không có cơ sở vì theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Tòa án nhân dân huyện H đã nhiều lần mở phiên họp hòa giải, ông H1 có mặt tham gia và ký tên vào biên bản. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn ông Võ Tấn H1 là có căn cứ vì sau khi nộp đơn phản tố, ông H1 trình bày sẽ tự thỏa thuận với bà H và thực tế, ông H1 không nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của mình theo thông báo của Tòa án; đến lần thứ hai ông H1 nộp đơn phản tố thì đã sau thời điểm Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử. Do đó, đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Võ Tấn H1 về phần này. Về nội dung: Bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm; tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn mong muốn có cơ hội hàn gắn, đoàn tụ gia đình nhưng không chứng minh được mâu thuẫn vợ chồng còn có thể giải quyết, không đưa ra được phương án phù hợp để thuyết phục bà H thay đổi ý kiến. Đối với yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Võ Tấn T: Ông H1 không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh khả năng đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Trong khi qua lời trình bày của chính bị đơn và kết quả xác minh tại địa phương thì do bận công việc làm ăn nên ông H1 thường xuyên vắng nhà, không thể dành nhiều thời gian cho gia đình và chăm sóc con. Thực tế, các con chung do bà H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà H khởi kiện yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng. Bà H có thu nhập ổn định, đảm bảo được việc chăm sóc tốt cả 02 con chung, việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cả 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

I. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông Võ Tấn H1 làm trong thời hạn luật định phù hợp với các quy định tại Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí kháng cáo theo quy định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

II. Về nội dung:

[1] Về nội dung kháng cáo của bị đơn đối với thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm:

Bị đơn kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm vì cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã không mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn là không giải quyết triệt để vụ án, làm hạn chế quyền yêu cầu của đương sự.

Hội đồng xét xử xét thấy: Các biên bản tại bút lục số 59 đến 64, 69 đến 74, 78 đến 84 thể hiện Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành hòa giải, công khai chứng cứ nhiều lần, bị đơn ông Võ Tấn H1 đều tham gia làm việc và ký tên vào biên bản. Do đó, bị đơn cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng là không có cơ sở. Đối với thủ tục xem xét đơn phản tố của bị đơn tại cấp sơ thẩm: Ngày 29 tháng 10 năm 2018 bị đơn ông Võ Tấn H1 có đơn phản tố, ngày 30 tháng 10 năm 2018 Tòa án tống đạt thông báo nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, hết thời hạn theo như thông báo, ông H1 không nộp tiền tạm ứng án phí. Tại buổi hòa giải ngày 24 tháng 01 năm 2019, ông H1 xác định sẽ tự thỏa thuận với bà H để giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo thông báo của Tòa án. Ngày 28 tháng 01 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện H ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, đến ngày 19 tháng 02 năm 2019, bị đơn tiếp tục có đơn phản tố là đã sau thời điểm được quyền đưa ra yêu cầu phản tố mà Bộ luật Tố tụng dân sự quy định. Tòa án cấp sơ thẩm không thụ lý giải quyết yêu cầu phản tố của bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, trường hợp phát sinh tranh chấp, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia tài sản sau khi ly hôn bằng một vụ án khác.

Do đó, kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm của bị đơn ông Võ Tấn H1 không có cơ sở để xem xét chấp nhận.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Đào Thị H và ông Võ Tấn H1 tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số X3 quyển số X4 do Ủy ban nhân dân Phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 7 năm 2012 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Bà H cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông H1 không H1ạnh phúc do mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ việc ông H1 không quan tâm, chăm sóc gia đình, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Trên cơ sở nhận định nguyên đơn khởi kiện và kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn vì không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, bị đơn không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được phương án hòa giải để đoàn tụ gia đình; quá trình chung sống, ông H1 không chăm lo cho gia đình là đã không làm tròn trách nhiệm của của người chồng, người cha và giải quyết cho ly hôn.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Võ Tấn H1 kháng cáo yêu cầu không giải quyết cho ly hôn vì cho rằng bản thân ông không có lỗi gì để bà H yêu cầu ly hôn; mặc dù vợ chồng ông có mâu thuẫn nhưng chưa trầm trọng và còn có thể giải quyết được. Tuy nhiên, qua diễn biến tại phiên tòa phúc thẩm, mâu

thuẫn vợ chồng giữa bà H và ông H1 đã thực sự trầm trọng, ông H1 cũng không thể đưa ra được phương án cụ thể để hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Do đó, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo yêu cầu được đoàn tụ gia đình của bị đơn ông Võ Tấn H1.

[3] Về con chung: Giữa bà Đào Thị H và ông Võ Tấn H1 có 02 con chung là Võ Kiều C, giới tính: Nữ, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2013 và Võ Tấn T, giới tính: Nam, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2014.

Trên cơ sở nhận định bà H là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả 02 con chung từ khi sinh ra đến thời điểm xảy ra tranh chấp, ông H1 thường xuyên vắng nhà, ít quan tâm đến gia đình và các con, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giao cả 02 con chung cho bà H nuôi dưỡng, ghi nhận bà H tự nguyện không yêu cầu ông H1 cấp dưỡng nuôi con.

Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, bị đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án giải quyết giao con chung Võ Tấn T cho ông nuôi dưỡng, như vậy mới đảm bảo được quyền lợi về mọi mặt của con chung và quyền nuôi con của ông. Tuy nhiên, kèm theo đơn kháng cáo, ông H1 không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có cơ sở. Theo lời trình bày của bị đơn và các chứng cứ Tòa án cấp sơ thẩm thu thập, ông H1 không dành thời gian để chăm sóc con vì bận công việc; ông H1 không chứng minh mình có điều kiện về thu nhập, khả năng đảm bảo việc nuôi dưỡng tốt con chung. Ngược lại, phía bà H đã cung cấp các chứng cứ thể hiện bà H có công việc tạo thu nhập ổn định hàng tháng; các con chung được bà H nuôi dưỡng tốt. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết giao cả 02 con chung cho bà H là có cơ sở và phù hợp với hoàn cảnh hiện tại. Để đảm bảo cuộc sống ổn định của các con chung không bị xáo trộn, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo là bị đơn ông Võ Tấn H1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 148 và Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

I. Chấp nhận đơn kháng cáo hợp lệ của bị đơn ông Võ Tấn H1 vì làm trong thời hạn luật định.

II. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên quyết định của Bản án hôn nhân và gia đình số 215/2019/HNGĐ-ST ngày 19 tháng 3 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Thị H:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Thị H được ly hôn ông Võ Tấn H1. Giấy chứng nhận kết hôn số X3 quyển số X4 do Ủy ban nhân dân Phường P1, Quận Q1, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 7 năm 2012 không còn giá trị pháp lý.

1.2. Về con chung: Giữa bà Đào Thị H và ông Võ Tấn H1 có 02 con chung là Võ Kiều C, giới tính: Nữ, sinh ngày 04 tháng 3 năm 2013 và Võ Tấn T, giới tính: Nam, sinh ngày 24 tháng 12 năm 2014. Giao cả 02 con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn bà Đào Thị H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2017/0030219 ngày 23 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Võ Tấn H1 phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0015380 ngày 03 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; đương sự đã thi hành xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND Tp. HCM;
- TAND huyện H, Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- Chi cục THADS huyện H, Tp. HCM;
- UBND Phường P1, Quận Q1, Tp. HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tuấn